

Số: 925 /QĐ-PAS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ Y tế về việc thành lập Trung tâm Đào tạo Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-BYT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm đào tạo Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 73/2001/QĐ-TTg ngày 07/05/2001 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ y khoa cho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5478/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 03/10/2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh được đào tạo tiến sĩ y học chuyên ngành Vi sinh y học, mã số 1.05.12;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-BGDĐT ngày 08/07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh được đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Dịch tễ học, mã số 62.72.01.17;


Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-BGDĐT ngày 29/03/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT;

Căn cứ Tờ trình số 195/TTr-TTĐT ngày 12/12/2022 của Trung tâm Đào tạo;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 299/QĐ-PAS ngày 19/05/2021 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Trung

QUY CHẾ
Về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh
*(Kèm theo Quyết định số 925/QĐ-PAS ngày 21 tháng 12 năm 2022
của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng và điều chỉnh căn cứ theo thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 299/QĐ-PAS ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh.

Quy chế này điều chỉnh các quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm: tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các nghiên cứu sinh, giảng viên, Bộ môn, các đơn vị và cá nhân tham gia hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ y học tại Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, cụ thể như sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc cùng nhóm ngành;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia). Theo đó, trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

2. Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, đề cương nghiên cứu chi tiết, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Trong đó, đảm bảo tối thiểu 80% là nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực đề tài nghiên cứu, **từ tham mưu của đơn vị chuyên môn (Bộ môn) liên quan, Viện trưởng ra quyết định số học phần và khối lượng tín chỉ của nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.**

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu là

30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó có các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

b) Tiểu luận tổng quan: yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Đề cương nghiên cứu chi tiết cần nêu cụ thể lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành, dự kiến các kết quả nghiên cứu;

d) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

e) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 05 đến 07 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 đến 16 tín chỉ. Bên cạnh đó tiểu luận tổng quan, đề cương nghiên cứu chi tiết và 03 chuyên đề tiến sĩ do Bộ môn quyết định là những học phần bắt buộc.

f) Chương trình đào tạo được các Bộ môn xây dựng theo yêu cầu khoản 2,3,4 của Điều này, Trung tâm Đào tạo xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, sau đó trình cho Viện trưởng Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh phê duyệt.

5. Luận án tiến sĩ và kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng kiến thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài, luận án.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh từ 03 năm (36 tháng) đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ và 04 năm (48 tháng) đối với nghiên

cứ sinh chưa có bằng thạc sĩ/bằng thạc sĩ ngành gần. Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nằm trong khung thời gian đào tạo đăng ký, được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó, khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, dự kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục Đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng trong công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75

điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả/ đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm một trong các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Tại cùng một thời điểm người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 07 nghiên cứu sinh, người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trong trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 6. Thời gian và phương thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm, khi đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng triển khai đào tạo ở trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

3. Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh có thể tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

2. Người dự tuyển có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. Trình độ ngoại ngữ:

4.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

4.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ 2 do Viện quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định).

6. Có đủ sức khỏe để học tập. Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

7.1. Đối tượng ưu tiên: người dự tuyển được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a, khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

7.2. Chính sách ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm mười điểm (thang điểm 100) cho tổng số điểm. Người dự tuyển thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

8. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Viện trưởng xem xét, quyết định.

Điều 8. Đăng ký dự tuyển

1. Người dự tuyển căn cứ vào điều kiện văn bằng quy định ở trên, nhu cầu công tác và khả năng đào tạo của Viện để đăng ký dự tuyển.

2. Trong mỗi kì xét tuyển, người dự tuyển chỉ được đăng kí dự tuyển vào một ngành của Viện.

3. Hồ sơ đăng kí dự tuyển: 01 bộ gồm:

a) Phiếu đăng ký dự xét tuyển;

b) Bản sao có công chứng: bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ (nếu có); các minh chứng về trình độ ngoại ngữ. Đối với những người dự tuyển tốt nghiệp đại học, thạc sĩ tại cơ sở giáo dục nước ngoài: bằng và bằng điểm phải được công chứng sang tiếng Việt và có văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lý lịch khoa học;

d) Sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (có dán ảnh);

e) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng;

f) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (tối thiểu 01 trong 03 minh chứng dưới đây):

- Các giấy tờ minh chứng về luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, gồm: trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo;

- Giấy tờ chứng minh thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Khuyến khích các người dự tuyển có minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp...

- g) Dự thảo đề cương nghiên cứu;
- h) Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá;
- i) Minh chứng đối tượng ưu tiên và các giấy tờ hồ sơ liên quan khác (nếu có);
- j) Công văn hoặc Quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan/đơn vị quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng viên chức, người lao động (nếu người dự tuyển là viên chức, người lao động).

4. Người dự tuyển có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển theo quy định, đúng thời hạn cho Viện. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày xét tuyển.

5. Viện chỉ đưa vào danh sách dự tuyển những người dự tuyển có đủ hồ sơ và điều kiện dự tuyển. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, Viện phải công bố danh sách người dự tuyển.

Điều 9. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm các thông tin:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;
- d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;
- e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;
- f) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);
- g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Viện trưởng chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

Điều 10. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;
- b) Phó chủ tịch: Phó Viện trưởng được Viện trưởng chỉ định;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị hoặc Phó trưởng đơn vị phụ trách công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện (Trung tâm Đào tạo);
- d) Các ủy viên: Trưởng đơn vị chuyên môn hoặc Trưởng Tiểu ban chuyên môn của các ngành có người đăng ký dự tuyển;
- e) Ban thường trực gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực để chỉ đạo công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong năm đó.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a) Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh; Thông báo tuyển sinh;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Xem xét, đề nghị Viện trưởng điều chỉnh chỉ tiêu giữa các ngành cho phù hợp điều kiện thực tế nhưng không vượt quá tổng chỉ tiêu;
- d) Tiếp nhận, kiểm tra, thông qua hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển từ Ban thư ký;
- e) Xây dựng thang điểm xét tuyển;
- f) Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;
- g) Tổng kết công tác tuyển sinh;
- h) Quyết định khen thưởng, kỷ luật;
- i) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

- 1. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh.
- 2. Quyết định và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được người dự tuyển có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện.
- 3. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký, Ban phúc khảo và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

4. Phê duyệt thang điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển, công nhận trúng tuyển.

5. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giúp Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định và thay thế Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh uỷ quyền.

Điều 13. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Ban Thư ký được thành lập để giúp việc cho Ban thường trực và Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Gửi thông báo tuyển sinh;
- b) Nhận và xử lý hồ sơ của người dự tuyển, thu lệ phí dự tuyển;
- c) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của người dự tuyển, báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi tới các thành viên của Tiểu ban chuyên môn;

d) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh xem xét;

e) Thông báo kết quả xét tuyển cho tất cả các người dự tuyển;

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

a) Lựa chọn những cán bộ có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, tác phong làm việc cẩn thận, có ý thức bảo mật, không có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét ra quyết định thành lập Ban thư ký;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 14. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các người dự tuyển, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên môn của Hội đồng tuyển sinh.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh bao gồm ít nhất 05 thành viên, có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển.

3. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có;

a) Trưởng tiểu ban;

b) Thư ký;

c) Các thành viên tiểu ban.

4. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, dự thảo đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của người dự tuyển, xếp loại người dự tuyển theo mức độ quy định, gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới trách nhiệm của tiểu ban;

b) Lập kế hoạch đánh giá đề cương nghiên cứu, phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với hồ sơ của người dự tuyển;

c) Chủ trì phiên họp của tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của tiểu ban;

d) Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

Điều 15. Tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của Ban phúc khảo

1. Thành phần của Ban phúc khảo gồm:

a) Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;

b) Các ủy viên: là cán bộ khoa học, giảng viên của các đơn vị chuyên môn trong hoặc ngoài Viện có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển, do Trưởng ban phúc khảo chỉ định và chưa tham gia vào các Tiểu

ban chuyên môn. Danh sách các uỷ viên và lịch làm việc của Ban phúc khảo phải được giữ bí mật.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban phúc khảo: Khi người dự tuyển có đơn khiếu nại, Ban phúc khảo có nhiệm vụ:

- a) Kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, xét tuyển của người dự tuyển. Không thực hiện việc phúc khảo đối với điểm đánh giá dự thảo đề cương nghiên cứu;
- b) Kết luận và trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

Điều 16. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển:

- a) Văn bằng, ngành học;
- b) Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ (nếu có);
- c) Trình độ ngoại ngữ;
- d) Thành tích nghiên cứu khoa học đã có;
- e) Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;
- f) Chất lượng của dự thảo đề cương nghiên cứu.

2. Trưởng Tiểu ban chuyên môn cử ra hai uỷ viên nhận xét bằng văn bản đối với dự thảo đề cương nghiên cứu của mỗi người dự tuyển.

3. Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển, bao gồm:

- a) Ban thư ký đọc quyết định thành lập Tiểu ban chuyên môn;
- b) Trưởng Tiểu ban chuyên môn điều hành cuộc họp;
- c) Thư ký thông báo các thông tin tổng quát về người dự tuyển nghiên cứu sinh (nơi đào tạo bậc đại học, thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ, nơi công tác,...);
- d) Trước bảo vệ 5-7 phút các thành viên của Tiểu ban chuyên môn dựa trên hồ sơ người dự tuyển chấm điểm hồ sơ của người dự tuyển (dựa trên bảng chấm điểm đã được chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông qua) và thống nhất cách đánh giá (nếu cần);
- e) Thư ký thông báo phương pháp làm việc của Tiểu ban chuyên môn với người dự tuyển;
- f) Người dự tuyển trình bày sơ lược về bản thân, quá trình đào tạo, kinh nghiệm hoạt động chuyên môn, thành tích nghiên cứu khoa học, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo là Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh. Người dự tuyển trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu và kế

hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong tổng thời gian không quá 15 phút, cụ thể về các nội dung:

- Tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu;
- Sự cần thiết, tính cấp thiết của đề tài;
- Xác định mục tiêu, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu;
- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu (các tài liệu trong và ngoài nước về vấn đề dự định nghiên cứu, đề tài nghiên cứu hiện đang ở trạng thái nào, các tác giả, nhà nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực đã làm được gì, những vấn đề gì còn tồn tại cần nghiên cứu tiếp, dự kiến hướng giải quyết như thế nào);
- Dự kiến nội dung, phương pháp nghiên cứu;
- Dự kiến kết quả đạt được;
- Tiến độ, kế hoạch học tập và nghiên cứu.

g) Hai uỷ viên nhận xét trình bày ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với dự thảo đề cương nghiên cứu theo các nội dung sau:

Hình thức trình bày; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, sự phù hợp của mục tiêu nghiên cứu với ngành; tính khoa học, độ tin cậy, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu để đạt được các mục tiêu đề ra; sự phù hợp của kế hoạch phân tích số liệu (dự kiến kết quả); tính khả thi của đề tài nghiên cứu; những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu;

h) Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá người dự tuyển về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt được những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh;

g) Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại người dự tuyển về các nội dung trên.

4. Hình thức đánh giá: Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng chấm điểm người dự tuyển. Điểm báo cáo đề cương là trung bình cộng các điểm của các thành viên tiểu ban có mặt trong buổi họp. Tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá, kết luận trong biên bản họp. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm báo cáo đề cương, điểm hồ sơ và điểm ưu tiên (nếu có).

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp kết quả xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, báo cáo với Hội đồng tuyển sinh. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện

trưởng quyết định cho từng ngành đào tạo, nguyên tắc xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách người dự tuyển trúng tuyển, trình Viện trưởng phê duyệt.

6. Trong vòng 02 tháng kể từ ngày bắt đầu kỳ tuyển sinh, Viện cần hoàn thành việc xét tuyển, chấm phúc khảo (nếu có), báo cáo tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc ra quyết định trúng tuyển chỉ thực hiện sau khi có kết quả phúc khảo. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận đơn phúc khảo về kết quả xét tuyển của người dự tuyển trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm và phải có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn. Người dự tuyển nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của Viện.

Điều 17. Công nhận nghiên cứu sinh

1. Căn cứ danh sách người dự tuyển trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, Trung tâm Đào tạo gửi giấy báo nhập học đến người dự tuyển. Muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Trung tâm Đào tạo gửi giấy báo nhập học, nghiên cứu sinh phải đến Trung tâm Đào tạo để đăng ký nhập học.

2. Sau khi người dự tuyển đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng phê duyệt quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có đầy đủ thông tin sau: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 18. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này tại Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở bên ngoài Viện.

2. Viện có thể thoả thuận với các cơ sở đào tạo khác để tổ chức giảng dạy những học phần chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

3. Viện tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công

nghe thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng tập trung liên tục học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

5. Chương trình đào tạo do các Bộ môn xây dựng, được bổ sung, điều chỉnh và cập nhật định kỳ tối đa 05 năm một lần và được thông qua Hội đồng thẩm định trước khi trình Viện trưởng phê duyệt.

6. Kế hoạch học tập nghiên cứu của nghiên cứu sinh với các trình độ khác nhau được quy định như sau:

Năm học	Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ/bằng thạc sĩ ngành gần	Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ
1	Học chương trình cao học Học các học phần bổ sung chương trình thạc sĩ (nếu có)	Học các học phần bổ sung (nếu có) Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Bắt đầu nghiên cứu khoa học Hoàn thành tiểu luận tổng quan
2	Học xong chương trình cao học Học các học phần ở trình độ tiến sĩ Hoàn thành 01 chuyên đề tiến sĩ Bắt đầu nghiên cứu khoa học Hoàn thành tiểu luận tổng quan	Hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ Tiến hành nghiên cứu khoa học Hoàn thành ít nhất 01 bài báo khoa học
3	Hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ Hoàn thành ít nhất 01 bài báo khoa học	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án tiến sĩ Bảo vệ luận án các cấp
4	Hoàn thành các bài báo khoa học Hoàn thành luận án tiến sĩ Bảo vệ luận án các cấp	

7. Trung tâm Đào tạo và Bộ môn tiến hành rà soát tiến độ học tập của nghiên cứu sinh định kỳ hàng năm. Xác nhận quá trình học tập của năm đầu tiên, nếu nghiên cứu sinh không đủ khả năng để tiếp tục học tập sẽ chấm dứt quá trình đào tạo, Viện báo cáo Bộ Giáo dục và đào tạo.

Điều 19. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, được thực hiện trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ.

2. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ, văn bằng của nghiên cứu sinh, Trung tâm Đào tạo và Bộ môn sẽ xác định các học phần cần thiết phải bổ sung ở trình độ thạc sĩ và gửi nghiên cứu sinh theo học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ tương ứng.

Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ ở ngành phù hợp hoặc ngành đúng với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, nhưng quá 05 năm (60 tháng) tính từ ngày được ký bằng đến thời điểm công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh, cần học bổ sung các học phần theo yêu cầu của ngành đào tạo. Với những học phần có nội dung trùng hoặc gần trùng với học phần tương ứng trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh có thể đăng ký học cùng với các học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành. Đối với những học phần còn lại, nghiên cứu sinh làm đơn đăng ký học theo kế hoạch riêng và đăng ký tại Trung tâm Đào tạo để giải quyết.

3. Kinh phí cho các học phần bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Điều 20. Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết

1. Sau khi được công nhận trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết. Trong đó:

a) Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết với khối lượng từ 02 tín chỉ.

b) Đề cương nghiên cứu chi tiết cần nêu cụ thể lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành, dự kiến các kết quả nghiên cứu với khối lượng từ 04 tín chỉ.

2. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết do Viện trưởng ra quyết định thành lập, trong đó: Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan gồm 03 thành viên, Hội đồng đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết gồm 05 thành viên; các thành viên đều là những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Việc đánh giá và chấm điểm tiểu luận tổng quan thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trình bày. Điểm đánh giá tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10. Kết luận của Hội đồng đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết cần nêu rõ việc thông qua hay không thông qua. Nếu tiểu luận tổng quan có điểm xếp loại không đạt, nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại. Thời gian để bảo vệ lại trong vòng 03 tháng kể từ ngày bảo vệ trước.

3. Đối với các nghiên cứu y sinh học trên đối tượng nghiên cứu là con người, các đề tài nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng bao gồm nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuộc giai đoạn 1, 2, 3, 4, nghiên cứu thử nghiệm trang thiết bị mới, nghiên cứu thử nghiệm kỹ thuật mới... phải tuân thủ theo các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thực hành lâm sàng tốt (GCP) và phải được xem xét, thẩm định, thông qua của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học theo đúng các hướng dẫn và quy định hiện hành. Hồ sơ đề nghị thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Viện được nộp sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết.

Điều 21. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần tiến sĩ được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần với khối lượng tối đa 16 tín chỉ.

2. Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện.

3. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành;

b) Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu ngành và liên ngành, cách viết và trình bày bài báo khoa học, báo cáo khoa học;

c) Các học phần sẽ được quy định cụ thể cho từng ngành đào tạo.

Điều 22. Các chuyên đề tiến sĩ

1. Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 06 tín chỉ. Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của cán bộ hướng dẫn chuyên đề.

2. Các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá theo hình thức nghiên cứu sinh báo cáo và trả lời câu hỏi trước Hội đồng. Hội đồng đánh giá chuyên đề gồm 03 thành viên, được thành lập theo quyết định của Viện trưởng, là những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Điểm đánh giá đối với từng chuyên đề theo thang điểm 10, cách thức tính điểm và xếp loại được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học. Trong trường hợp chuyên đề có điểm xếp loại không đạt, Hội đồng yêu cầu nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại chuyên đề tương ứng. Mỗi nghiên cứu sinh được bảo vệ không quá 02 lần cho mỗi chuyên đề. Thời gian để bảo vệ lại trong vòng 03 tháng kể từ ngày bảo vệ trước.

3. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu theo quy định của Viện sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Trường hợp này, nghiên cứu sinh được công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

Điều 23. Luận án tiến sĩ

Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh. Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa

học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hoặc thực tiễn kinh tế - xã hội. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Điều 24. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Viện về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

Việc thay đổi đề tài luận án, hoặc bổ sung, thay đổi người hướng dẫn chỉ thực hiện khi có những lý do chính đáng và thật cần thiết. Trong những trường hợp này, thủ tục thực hiện như sau:

a) Nghiên cứu sinh nộp đơn trình bày lý do thay đổi đề tài hoặc người hướng dẫn, kế hoạch học tập nghiên cứu cụ thể tiếp theo, có ý kiến đồng ý của cán bộ hướng dẫn và Bộ môn;

b) Trung tâm Đào tạo tiếp nhận đơn trình Viện trưởng xem xét ra quyết định. Sau khi nhận quyết định, nghiên cứu sinh cần đăng ký kế hoạch học tập, nghiên cứu tiếp theo với Trung tâm Đào tạo, tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn theo hướng thay đổi.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn phải đảm bảo tổng thời gian không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính đến trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập.

Kinh phí các hoạt động sau thời gian quy định tại Quyết định công nhận nghiên cứu sinh do nghiên cứu sinh tự chi trả.

4. Trong thời hạn học tập theo quy định, mỗi nghiên cứu sinh được Viện thanh toán kinh phí 01 lần cho việc học các chứng chỉ của các học phần tiến sĩ, các phiên họp của

Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan, đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết, đánh giá chuyên đề, đánh giá luận án cấp Bộ môn, đánh giá luận án cấp Viện và Phản biện độc lập lần thứ nhất, ban thẩm định hồ sơ, Hội đồng khoa học xét cấp bằng tiến sĩ theo mức chi được Viện phê duyệt. Nghiên cứu sinh phải tự túc kinh phí khi phải học lại chứng chỉ của các học phần, các phiên họp phát sinh do yêu cầu của Hội đồng, phiên họp Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu, phiên họp Hội đồng thẩm định luận án (nếu có) quy định tại khoản 2 Điều 38 hoặc các Phản biện độc lập có yêu cầu đọc lại hoặc phải gửi phản biện các lần tiếp theo.

5. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;
- b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được Hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan thẩm quyền kết luận;
- c) Vi phạm quy định của Viện ở mức độ buộc thôi học.

Điều 25. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

- a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;
- b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;
- c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Thời hạn bảo lưu kết quả học tập của nghiên cứu sinh tối đa trong 02 năm học (24 tháng).

3. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Hội đồng xét công nhận và

chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu do Viện trưởng thành lập, phù hợp với ngành đào tạo của nghiên cứu sinh.

4. Quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh như sau:

a) Sau khi có đơn đề nghị của nghiên cứu sinh kèm xác nhận của cán bộ hướng dẫn, Trung tâm Đào tạo tiến hành:

- Chuẩn bị hồ sơ kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh, đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều này;

- Trình Viện trưởng xem xét, thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu. Hội đồng gồm 05 thành viên, trong đó có đại diện của Bộ môn nghiên cứu sinh theo học và Trung tâm Đào tạo.

b) Hội đồng xem xét mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức mà nghiên cứu sinh tích lũy được với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, kết luận trong biên bản họp.

c) Sau khi Hội đồng thông qua, Viện trưởng ký ban hành quyết định công nhận việc chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Điều 26. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, Điều 61 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khoá đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho Bộ môn và Trung tâm Đào tạo; đề xuất với người hướng dẫn và Bộ môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định.

Điều 27. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo Quy chế của Viện và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại Bộ môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế của Viện.

Điều 28. Tổ chức, hoạt động, quyền và trách nhiệm của Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn thuộc Trung tâm Đào tạo, thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định hiện hành của Viện về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Phòng, Khoa, Văn phòng, Trung tâm trực thuộc Viện.

2. Các Bộ môn đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của đơn vị chuyên môn đáp ứng yêu cầu đào tạo:

- Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) và 03 tiến sĩ ngành phù hợp. Các giảng viên cơ hữu đáp ứng được các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và

người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

- Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ;

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ và triển khai đánh giá luận án tại Bộ môn.

b) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, phòng thí nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo; có chỗ làm việc dành riêng cho nghiên cứu sinh.

c) Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học; đã thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành; thường xuyên có những trao đổi hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo.

3. Quyền và trách nhiệm của Bộ môn

Bộ môn có quyền và trách nhiệm sau:

a) Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án;

b) Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hàng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học; phối hợp với Trung tâm Đào tạo tổ chức các hoạt động đào tạo tại Bộ môn;

d) Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh; triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại Bộ môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

4. Cơ cấu tổ chức của Bộ môn

Mỗi Bộ môn có cơ cấu cơ bản bao gồm: Trưởng Bộ môn, Phó trưởng Bộ môn, giáo vụ Bộ môn và các giảng viên của Bộ môn.

4.1. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Bộ môn:

a) Điều kiện tiêu chuẩn của Trưởng Bộ môn:

- Trưởng Bộ môn đủ tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ; có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý;

- Trưởng Bộ môn do Viện trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của phụ trách Trung tâm Đào tạo. Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm thực hiện theo quy định của Viện trưởng Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Bộ môn:

- Trưởng Bộ môn là người trực tiếp quản lý giảng viên thuộc Bộ môn nhằm đảm bảo công tác chuyên môn của Bộ môn;

- Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Bộ môn theo chức năng và nhiệm vụ quy định;

- Trực tiếp lãnh đạo, quản lý điều hành giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình, biên soạn tài liệu, giáo trình, xây dựng, phân công ra đề thi, thẩm định, đánh giá đề thi các học phần/môn học; bồi dưỡng cán bộ trẻ, tổ chức hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác của Bộ môn;

- Phân công, điều phối các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác giữa các thành viên của Bộ môn, đảm bảo hiệu quả, dân chủ và đoàn kết;

- Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung tâm Đào tạo;

- Đề xuất, kiến nghị về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với các thành viên khác của Bộ môn.

4.2. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Phó trưởng Bộ môn:

a) Điều kiện tiêu chuẩn của Phó trưởng Bộ môn:

- Phó trưởng Bộ môn phải có đủ tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ; có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý;

- Phó trưởng Bộ môn do Viện trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của phụ trách Trung tâm Đào tạo. Các quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó trưởng Bộ môn thực hiện tương tự như Trưởng Bộ môn.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó trưởng Bộ môn: chấp hành sự phân công của Trưởng Bộ môn, giúp Trưởng Bộ môn chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ công tác của Bộ môn và chịu trách nhiệm trước Trưởng Bộ môn lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

4.3. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giáo vụ Bộ môn:

a) Điều kiện tiêu chuẩn của giáo vụ Bộ môn

Giáo vụ Bộ môn do Trưởng Bộ môn đề xuất và được Viện trưởng quyết định phân công nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ của giáo vụ Bộ môn

- Quản lý, theo dõi tiến độ học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo học tại Bộ môn;
- Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo của Trưởng Bộ môn và phụ trách Trung tâm Đào tạo.

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của Trung tâm Đào tạo

1. Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn, bản đăng ký và các thủ tục khác có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Xây dựng kế hoạch hàng năm cho từng ngành đào tạo.
3. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo kế hoạch.
4. Theo dõi kết quả kiểm tra, thi các môn học, các học phần của nghiên cứu sinh từng ngành đào tạo.
5. Tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
6. Làm thủ tục cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các cấp.
7. Tổ chức bảo vệ luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.
8. Làm thủ tục và quản lý việc cấp chứng chỉ môn học, bảng điểm toàn khóa, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.
9. Tổ chức các ngày lễ và hoạt động hàng năm cho nghiên cứu sinh: kỷ niệm ngày hiến chương nhà giáo, lễ khai giảng, lễ phát bằng và hội nghị khoa học cho nghiên cứu sinh.
10. Quản lý và lưu trữ hồ sơ đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện.
11. Thực hiện những nội dung công tác khác có liên quan tới đào tạo sau đại học theo yêu cầu của Viện trưởng.

Điều 30. Quyền và trách nhiệm của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định liên quan.

2. Thực hiện trách nhiệm trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

3. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

4. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh Quy chế của Viện và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu, quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khoá học.

5. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và Hội đồng đánh giá luận án.

6. Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Viện.

7. Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hàng năm việc thực hiện quy chế của Viện về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ.

8. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

9. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Viện và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

10. Thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 31. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều

23 của Quy chế này. Luận án phải có những đóng góp mới, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

b) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn, cụ thể:

- Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tài liệu tham khảo, hoặc các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);
- Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;
- Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ và Quy định phòng chống đạo văn.

3. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4 (dao động 70.000-80.000 từ), không kể phụ lục. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, bảng mã UNICODE, có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án. Có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và bàn luận của nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần đặt vấn đề: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, xác định mục tiêu của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: tổng hợp các tư liệu khoa học, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết;

c) Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong luận án;

d) Kết quả nghiên cứu: trình bày kết quả đạt được theo các mục tiêu của luận án, mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm;

e) Bàn luận căn cứ vào các dữ liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;

f) Kết luận: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu;

g) Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

h) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

i) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

j) Phụ lục (nếu có).

4. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp Bộ môn;

b) Cấp Viện.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp Bộ môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp Bộ môn:

a) Đã hoàn thành các chương trình đào tạo quy định tại các Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Quy chế này;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở Bộ môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

Nội dung chủ yếu kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo sinh hoạt khoa học thường kỳ của Viện trước khi đệ trình luận án.

d) Điều kiện tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế;

e) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn bằng văn bản, trong đó khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án. Bộ môn đồng ý cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

f) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của toàn bộ thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

g) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Việc đánh giá luận án ở Bộ môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của Bộ môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn, gồm 07 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ở trong và ngoài Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Hội đồng gồm Chủ tịch, uỷ viên thư ký, hai phản biện (có ít nhất 01 người ngoài Viện) và các uỷ viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

4. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 10 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án, trong đó phải chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) **Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;**
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- e) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

6. Hội đồng đánh giá cấp Bộ môn thống nhất danh sách gửi nhận xét tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh đến các cơ quan và các nhà khoa học. Danh sách này gồm ít nhất 30 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh do Bộ môn đề xuất và trình Viện trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Viện không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành, tán thành có chỉnh sửa hoặc không tán thành). **Luận án chỉ được đề nghị ra đánh giá ở Hội đồng cấp Viện nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi họp bỏ phiếu không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành.** Ban kiểm phiếu của Hội đồng gồm có 03 người (một trưởng ban và hai uỷ viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu.

8. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp Bộ môn:

- a) Đại diện Trung tâm Đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn của Viện trưởng;
- b) Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp Bộ môn quy định tại khoản 4, 5 Điều này;
- c) Ủy viên thư ký đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;
- d) Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt luận án không quá 30 phút;
- e) Hai người phản biện luận án đọc nhận xét;
- f) Các thành viên hội đồng, chủ tịch Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi và trao đổi với nghiên cứu sinh về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;
- g) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi;

h) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua Quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín;

i) Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng và bỏ phiếu;

j) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án;

k) Chủ tịch hội đồng công bố Quyết nghị của Hội đồng. Quyết nghị của Hội đồng cần khẳng định:

- Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ trong và ngoài nước hay không. Đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài hoặc thay đổi mục tiêu nếu cần thiết;
- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
- Những kết quả mới đã đạt được; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài của nghiên cứu sinh;
- Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa;
- Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 31 của Quy chế này;
- Kết luận: Đề nghị Viện trưởng cho phép hoặc chưa cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện. Trong trường hợp Hội đồng yêu cầu phải họp lại, Hội đồng cần xác định rõ thời gian lần họp tiếp theo. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba ($2/3$) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được ít nhất ba phần tư ($3/4$) số thành viên Hội đồng cấp Bộ môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản.

9. Biên bản cuộc họp đánh giá luận án cấp Bộ môn cần ghi rõ:

a) Thành viên hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng);

- b) Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc);
- c) Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, những câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;
- d) Kết luận của Hội đồng.

Điều 33. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được Bộ môn thông qua, Viện phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, Viện trưởng xin ý kiến của 02 phản biện độc lập về luận án.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh, không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện độc lập không đồng ý, Viện gửi luận án để lấy ý kiến thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận

án, Viện yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập được thực hiện theo đúng quy định của Viện. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trung tâm Đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án cấp Viện. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

5. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, bài báo, công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý hay không đồng ý để luận án được bảo vệ cấp Viện.

6. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Trung tâm Đào tạo sao gửi cho nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu, sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, có văn bản giải trình, trong đó có ý kiến xác nhận và chữ ký của người hướng dẫn nộp lại Trung tâm Đào tạo. Đồng thời, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh và gửi một bản luận án đóng bìa cứng, một bản tóm tắt luận án và bản giải trình của nghiên cứu sinh về việc tiếp thu, sửa chữa theo ý kiến của các phản biện độc lập về Trung tâm Đào tạo để làm thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

7. Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý kiến của phản biện độc lập:

a) Người phụ trách Trung tâm Đào tạo trình Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo có đầy đủ thông tin cùng danh sách đề xuất của đơn vị chuyên môn giới thiệu chọn hai nhà khoa học (có chức danh khoa học, có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ trở lên) có trình độ chuyên môn cao và am hiểu sâu về đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Căn cứ vào nội dung luận án, thông qua các nguồn thông tin khác nhau và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Viện trưởng quyết định danh sách hai phản biện độc lập để xin ý kiến;

c) Người phụ trách Trung tâm Đào tạo có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn tới hai phản biện độc lập theo danh sách Viện trưởng phê duyệt. Hồ sơ bao gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo;

d) Sau khi nhận phản hồi của phản biện độc lập, người phụ trách Trung tâm Đào tạo tổng hợp, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện theo quy định tại các khoản 3, khoản 6 của Điều này.

e) Trong trường hợp phản biện độc lập yêu cầu được xem lại việc tiếp thu, sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh, các thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ được tiến hành sau khi có sự đồng ý cho phép bảo vệ luận án cấp Viện của phản biện độc lập đó. Hồ sơ gửi lại cho phản biện độc lập như lần đầu.

g) Trong trường hợp luận án phải lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai, quy trình được thực hiện như lần đầu.

Điều 34. Đánh giá luận án cấp Viện

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo trí thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể. Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập tại Điều 33 của Quy chế này;

c) Tuân thủ quy định của Viện về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liên chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm:

a) Đơn xin bảo vệ luận án cấp Viện có xác nhận của người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn và Bộ môn quản lý nghiên cứu sinh;

b) Toàn văn luận án;

c) Tóm tắt luận án;

d) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có) quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 31 Quy chế này;

f) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

i) Những tài liệu khác (nếu có);

Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do cơ sở đào tạo tập hợp.

3. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Viện tối thiểu 02 người. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng như sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có năng lực nghiên cứu như tiêu chuẩn của người hướng dẫn chính theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Riêng thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Không có quan hệ là cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh.

4. Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các uỷ viên phản biện và uỷ viên khác, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đứng ngành hoặc ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Viện;

b) Có ít nhất 01 phản biện là người ngoài Viện; phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không cùng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh, không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án.

c) Thư ký Hội đồng phải là người cùng ngành với luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của nghiên cứu sinh.

d) 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là uỷ viên.

5. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Viện phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh phải bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, nghiên cứu sinh đóng quyển luận án, in tóm tắt luận án có ghi đầy đủ họ tên, học vị, nơi công tác của những người phản biện vào bìa 2 tóm tắt luận án và nộp cho Viện. Trung tâm Đào tạo của Viện có trách nhiệm gửi luận án và tóm tắt luận án cùng các tài liệu cần thiết khác cho các thành viên hội đồng; gửi tóm tắt luận án để lấy ý kiến nhận xét theo danh sách đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn đề nghị theo khoản 6, Điều 32 tại Quy chế này.

- Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét luận án bằng văn bản gửi đến Trung tâm Đào tạo của Viện ít nhất 10 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy

đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; trong đó, phải nêu bật được những đóng góp mới cho khoa học của luận án; phải nêu ý kiến đánh giá về các vấn đề trình bày trong luận án, kết luận về mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với luận án tiến sĩ quy định tại Điều 31 của Quy chế này; bản tóm tắt luận án phản ánh trung thành nội dung cơ bản của luận án hay không; luận án có thể đưa ra bảo vệ để nhận học vị hay không. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án; và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

- Toàn văn luận án, tóm tắt luận án và trang thông tin những đóng góp mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Viện (<http://www.pasteurhcm.gov.vn/>) và của Bộ GD&ĐT (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 20 ngày, trừ các đề tài bảo vệ mật. Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án được công bố trên báo Nhân dân và trên trang thông tin điện tử của Viện, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật).

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Viện nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Có 2 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

c) Trường hợp tổ chức đánh giá luận án theo hình thức trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh, toàn bộ buổi bảo vệ phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Trung tâm Đào tạo; trong trường hợp

thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức đánh giá luận án do Trung tâm Đào tạo thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

6. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Viện trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng. Thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực, nhưng phải đảm bảo luận án của nghiên cứu sinh được đánh giá ở cấp Viện trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án đạt quy trình phản biện độc lập.

Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

7. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 36 của Quy chế này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phản hồi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và uỷ viên thư ký Hội đồng.

8. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành). **Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn.** Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Ban kiểm phiếu của Hội đồng gồm 03 người (một trưởng ban và hai uỷ viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu.

9. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

a) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

b) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

c) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
 d) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án, chất lượng công trình và tạp chí đăng bài của nghiên cứu sinh;

e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng thông qua hoặc không thông qua luận án; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại luận án trong trường hợp không thông qua. Đề nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc chỉnh sửa, bổ sung luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã chỉnh sửa, bổ sung, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản này của nghiên cứu sinh.

10. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Viện

Buổi bảo vệ luận án cấp Viện được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Phụ trách Trung tâm Đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và đề nghị Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

c) Ủy viên thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học và tóm tắt quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh;

d) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh;

e) Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút;

f) Các phản biện trình bày bản nhận xét luận án;

g) Các thành viên Hội đồng khác trình bày các ý kiến nhận xét;

h) Hội đồng và các nhà khoa học tham dự thảo luận, nêu câu hỏi với nghiên cứu sinh;

i) Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi và các ý kiến thảo luận;

j) Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến;

k) Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua nghị quyết của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín;

- l) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án;
- m) Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng;
- n) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến;
- o) Đại diện cơ quan công tác của nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến (nếu có yêu cầu);
- p) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

Điều 35. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Viện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

4. Quy trình, thủ tục bảo vệ lại luận án cấp Viện theo đúng quy định như lần đánh giá thứ nhất.

Điều 36. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều 32 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Viện xác nhận.

3. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn và cấp Viện, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và các nhân được gửi luận án

và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị và Viện trưởng ra quyết định bằng văn bản.

4. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Viện không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật được thực hiện như bảo luận án theo chế độ công khai.

5. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định, và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của nhà nước.

6. Việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan thực hiện theo quy định bảo mật của pháp luật.

7. Ngoài các quy định tại các khoản 2,3,4,5 của điều này, người bảo vệ luận án phải thực hiện các quy định chung của nghiên cứu sinh.

Điều 37. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản in và bản điện tử) có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án (nếu có) theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và xác nhận của Viện.

2. Viện đã đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Viện (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Viện lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Viện;

- b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án cấp Viện;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (nếu có);
- e) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;
- f) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án, trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật;
- h) Các tài liệu khác theo quy định của Viện.

4. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện trưởng thành lập Ban Thẩm định để kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh. Hồ sơ đạt yêu cầu thẩm định sẽ được đề nghị thông qua trong cuộc họp thường kỳ Hội đồng khoa học của Viện. Viện trưởng quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

5. Viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 38. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

- a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;
- b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

- a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ, tóm tắt luận án tiến sĩ, bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Viện;

b) Viện gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả đối với cơ sở đào tạo trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 39. Xử lý kết quả sau khi Bộ Giáo dục và đào tạo kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án

1. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Viện có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Viện tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập dưới sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

c) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Viện tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên trở lên có mặt tại buổi đối thoại không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

3. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Viện xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Viện; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Quy chế của Viện; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Viện có trách nhiệm:

a) Hoàn thành cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp bằng của nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Công khai trên trang thông tin điện tử của Viện trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Viện và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 41. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ việc thực hiện Quy chế về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ phải được thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

Ban thanh tra nhân dân của Viện có trách nhiệm thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ theo các quy định hiện hành.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước ngày 18 tháng 5 năm 2017 tiếp tục thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 307/QĐ-PAS ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Viện trưởng Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trong thời gian từ sau ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 299/QĐ-PAS ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện trưởng Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển

sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh nhưng về điều kiện đối với các công trình khoa học công bố áp dụng theo điểm c khoản 1 Điều 32 Quy chế này.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- PAS ngày tháng năm 2022 của
Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	4-6 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố,...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố,...

....., ngày.....tháng.....năm

Người lập

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố trên trang thông tin điện tử.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- PAS ngày tháng năm 2022 của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục 3

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- PAS ngày tháng năm 2022 của
Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh)*

MẪU BÁO CÁO

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM

**BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ...tháng... năm....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

(Tháng năm)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

VIỆN TRƯỞNG

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- PAS ngày tháng năm 2022 của Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh)

MẪU BÁO CÁO

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm ...

STT ¹	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Quốc tịch	Khóa đào tạo ²	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên người hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn ¹		Tên người đồng hướng dẫn 2 (nếu có)		Đơn vị công tác của người hướng dẫn ngoài cơ sở	Tên đề tài luận án	Ngành, mã số	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
								Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo	Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo					
1								x								
2											x					

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

VIỆN TRƯỞNG

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khóa tuyển sinh.

² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên